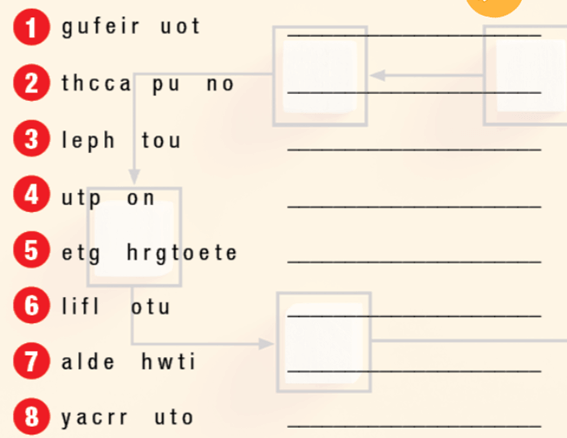
# Unit 4 Lesson 1 (trang 20, 21)

**SBT Tiếng Anh lớp 12 trang 20, 21 Unit 4 Lesson 1 - ILearn Smart World**  
**New Words**  
**a (trang 20 SBT Tiếng Anh 12 Smart World):** Unscramble the words. (Sắp xếp lại các từ.)  
  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. figure out  
  
  
2. catch up on  
  
  
3. help out  
  
  
4. put on  
  
  
  
  
5. get together  
  
  
6. fill out  
  
  
7. deal with  
  
  
8. carry out  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. figure out: tìm ra  
2. catch up on: bắt kịp  
3. help out: giúp đỡ  
4. put on: đưa vào  
5. get together: tập hợp lại  
6. fill out: điền vào  
7. deal with: giải quyết  
8. carry out: thực hiện  
**b (trang 20 SBT Tiếng Anh 12 Smart World):** Fill in the blanks with the words from Task a (Điền vào chỗ trống với các từ trong Bài tập a)  
1. I have so many problems to \_\_\_\_\_. I don't have time to do anything else.  
2. I can't believe how far behind I am on my homework. There's so much to \_\_\_\_\_.  
3. Scientists get to \_\_\_\_\_ lots of different experiments. I think that sounds fun.  
4. The forms you use to sign up for new clubs are really easy to \_\_\_\_\_.  
5. I helped \_\_\_\_\_ a play at high school. It was really hard to organize but it was great.  
6. Can you help me with this math problem? I just can't \_\_\_\_\_ this one \_\_\_\_\_.  
7. Do you want to \_\_\_\_\_ this weekend? haven't seen you in a while.  
8. I'm going to \_\_\_\_\_ at the fair tomorrow. There's lots that we have to do.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. deal with  
  
  
2. catch up on  
  
  
3. carry out  
  
  
4. fill out  
  
  
  
  
5. put on  
  
  
6. figure - out  
  
  
7. get together  
  
  
8. help out  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Tôi có quá nhiều vấn đề phải giải quyết. Tôi không có thời gian để làm bất cứ việc gì khác.  
2. Tôi không thể tin được mình đã chậm trễ đến mức nào trong việc làm bài tập về nhà. Có quá nhiều thứ để bắt kịp.  
3. Các nhà khoa học được thực hiện rất nhiều thí nghiệm khác nhau. Tôi nghĩ điều đó nghe có vẻ thú vị.  
4. Các mẫu đơn bạn sử dụng để đăng ký câu lạc bộ mới thực sự dễ điền.  
5. Tôi đã giúp dàn dựng một vở kịch ở trường trung học. Thật sự rất khó để tổ chức nhưng nó thật tuyệt.  
6. Bạn có thể giúp tôi giải bài toán này không? Tôi không thể giải được bài này.  
7. Bạn có muốn tụ tập vào cuối tuần này không? Đã lâu rồi chúng ta không gặp nhau.  
8. Tôi sẽ giúp đỡ ở hội chợ vào ngày mai. Có rất nhiều việc chúng ta phải làm.  
  
**Listening**  
**a (trang 20 SBT Tiếng Anh 12 Smart World):** Listen to two friends talking. What are they talking about? (Hãy lắng nghe hai người bạn nói chuyện. Họ đang nói về điều gì?)  
CD1 TRACK 08  
1. How to help Minh find a university  
2. Things Harry should look for in a university  
3. What they want to study and if they will go together  
**Đáp án:** 2  
**Nội dung bài nghe:**  
Harry: I really need some help choosing a university. a  
Minh: can help out. It's so confusing. There are so many different universities.  
Harry: Exactly.  
Minh: So, what do you think a university should offer?  
Harry: I think they should have someone to help students deal with stress and problems.  
Minh: Like a counselor?  
Harry: Yeah. Someone they can go and speak to when they need to.  
Minh: Good idea.  
Harry: It will be the first time I'm living by myself. I think will find that difficult.  
Minh: That's fair enough.  
Harry: If they could also give tips on how to cook and look after myself, that would be great, too.  
Minh: OK. What else are you looking for?  
Harry: I think the university should have lots of group working spaces.  
Minh: Like computer rooms?  
Harry: Yeah. Rooms with tables and chairs, and also a computer.  
Minh: think most libraries will have places you can go and get together with your classmates and do work.  
Harry: Ah, OK.  
Minh: Anything else?  
Harry: Maybe some study groups. I worry about getting too much work, or that it will be too difficult for me. A study group might help with that.  
Minh: That's a great idea. I'd hate to get stuck and not be able to catch up.  
Harry: Is there anything you can think of that I should look for?  
Minh: I think good universities will put on lots of different events.  
Harry: Oh?  
Minh: You know. Places to socialize and also things like career fairs or events you can network at.  
Harry: Those do sound important. Thanks for your help, Minh. You've given me a lot to think about.  
Minh: No problem, Harry.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Harry: Tôi thực sự cần một số trợ giúp để chọn trường đại học. a  
Minh: có thể giúp. Thật khó hiểu. Có quá nhiều trường đại học khác nhau.  
Harry: Chính xác.  
Minh: Vậy, bạn nghĩ trường đại học nên cung cấp những gì?  
Harry: Tôi nghĩ họ nên có người giúp sinh viên giải quyết căng thẳng và các vấn đề.  
Minh: Như một cố vấn?  
Harry: Vâng. Một người mà họ có thể đến và nói chuyện khi cần.  
Minh: Ý tưởng hay.  
Harry: Đây sẽ là lần đầu tiên tôi sống một mình. Tôi nghĩ sẽ thấy khó khăn.  
Minh: Cũng công bằng thôi.  
Harry: Nếu họ cũng có thể đưa ra lời khuyên về cách nấu ăn và chăm sóc bản thân, thì điều đó cũng tuyệt.  
Minh: Được. Bạn còn tìm kiếm điều gì nữa?  
Harry: Tôi nghĩ trường đại học nên có nhiều không gian làm việc nhóm.  
Minh: Như phòng máy tính?  
Harry: Vâng. Phòng có bàn ghế và máy tính.  
Minh: Tôi nghĩ hầu hết các thư viện sẽ có những nơi bạn có thể đến và tụ tập với các bạn cùng lớp và làm việc.  
Harry: À, được.  
Minh: Còn gì nữa không?  
Harry: Có thể là một số nhóm học tập. Tôi lo lắng về việc nhận quá nhiều việc, hoặc rằng nó sẽ quá khó đối với tôi. Một nhóm học tập có thể giúp ích cho điều đó.  
Minh: Đó là một ý tưởng tuyệt vời. Tôi ghét bị mắc kẹt và không thể bắt kịp.  
Harry: Bạn có thể nghĩ ra điều gì đó mà tôi nên tìm kiếm không?  
Minh: Tôi nghĩ các trường đại học tốt sẽ tổ chức nhiều sự kiện khác nhau.  
Harry: Ồ?  
Minh: Bạn biết đấy. Những nơi để giao lưu và cả những thứ như hội chợ việc làm hoặc các sự kiện mà bạn có thể tham gia.  
Harry: Những điều đó nghe có vẻ quan trọng. Cảm ơn sự giúp đỡ của bạn, Minh. Bạn đã cho tôi rất nhiều điều để suy nghĩ.  
Minh: Không vấn đề gì, Harry.  
**b (trang 20 SBT Tiếng Anh 12 Smart World):** Now, listen and circle the correct words. (Bây giờ, hãy lắng nghe và khoanh tròn những từ đúng.)  
CD1 TRACK 08  
1. Harry thinks universities should have someone to help deal with forms/ stress.  
2. It will be the first time Harry will live by himself/ away from his parents.  
3. Harry says universities should have computer suites/ libraries.  
4. Minh would hate to go to career fairs/ not be able to catch up on work.  
5. Minh thinks universities should have events to socialize/ places to eat at.  
**Đáp án:**  
1. stress  
2. by himself  
3. computer suites  
4. not be able to catch up on work  
5. events to socialize  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Harry nghĩ rằng các trường đại học nên có người giúp giải quyết căng thẳng.  
2. Đây sẽ là lần đầu tiên Harry sống một mình.  
3. Harry nói rằng các trường đại học nên có phòng máy tính.  
4. Minh sẽ không thể theo kịp công việc.  
5. Minh nghĩ rằng các trường đại học nên có các sự kiện để giao lưu.  
  
**Grammar**  
**a (trang 21 SBT Tiếng Anh 12 Smart World):** Fill in the blanks with the correct form of the verbs in the box. (Điền dạng đúng của động từ trong hộp vào chỗ trống.)  
  
  
  
  
help  
  
  
get  
  
  
come  
  
  
carry  
  
  
put  
  
  
catch  
  
  
  
  
1. I really hope get to \_\_\_\_\_\_ out research at university.  
2. My friend is \_\_\_\_\_\_ up on the work he missed last week.  
3. We need to \_\_\_\_\_\_ up with some solutions to this problem. Can you help us?  
4. I'm going to \_\_\_\_\_\_ together with my classmate and work on our project.  
5. We're \_\_\_\_\_\_ out at the homeless shelter this weekend.  
6. I'm \_\_\_\_\_\_ on a fashion show for my family tonight. It's silly, but it should be fun.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. carry  
  
  
2. catching  
  
  
3. come  
  
  
4. get  
  
  
5. helping  
  
  
6. putting  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Tôi thực sự hy vọng được thực hiện nghiên cứu tại trường đại học.  
2. Bạn tôi đang bắt kịp công việc mà anh ấy đã nghỉ tuần trước.  
3. Chúng tôi cần đưa ra một số giải pháp cho vấn đề này. Bạn có thể giúp chúng tôi không?  
4. Tôi sẽ gặp bạn cùng lớp và làm dự án của chúng tôi.  
5. Chúng tôi sẽ giúp đỡ tại nơi trú ẩn cho người vô gia cư vào cuối tuần này.  
6. Tôi sẽ tổ chức một buổi trình diễn thời trang cho gia đình tôi tối nay. Thật ngớ ngẩn, nhưng chắc chắn sẽ rất vui.  
**b (trang 21 SBT Tiếng Anh 12 Smart World):** Circle the correct phrasal verb. (Khoanh tròn cụm động từ đúng.)  
1. I need help filling out/helping out these forms. They're really confusing.  
2. When was the last time you did some exercise? We should go and clean up/work out.  
3. I'm free on the weekend. I can help you out/help out you with your event.  
4. We should hang out/help out later. I miss doing things with you.  
5. You made such a mess! I'm not helping you clean/figure that up/out.  
6. Can you look after/put up my little sister next week? I'm going to be too busy.  
7. I need to catch up on/carry out my biology homework. I'm really far behind.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. filling out  
  
  
2. work out  
  
  
3. help you out  
  
  
4. hang out  
  
  
  
  
5. clean - up  
  
  
6. look after  
  
  
7. catch up on  
  
  
   
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Tôi cần giúp đỡ để điền vào các mẫu đơn này. Chúng thực sự khó hiểu.  
2. Lần cuối cùng bạn tập thể dục là khi nào? Chúng ta nên đi tập thể dục.  
3. Tôi rảnh vào cuối tuần. Tôi có thể giúp bạn chuẩn bị sự kiện.  
4. Chúng ta nên đi chơi sau. Tôi nhớ được làm mọi thứ cùng bạn.  
5. Bạn đã làm bừa bộn quá! Tôi sẽ không giúp bạn dọn dẹp đâu.  
6. Bạn có thể trông em gái tôi vào tuần tới không? Tôi sẽ quá bận.  
7. Tôi cần phải hoàn thành bài tập về nhà môn sinh học. Tôi thực sự bị chậm tiến độ.  
  
**Writing**  
**(trang 21 SBT Tiếng Anh 12 Smart World):** Write about what you would look for in a university and how it would help you get a good job in the future. Write 180-200 words. (Viết về những điều bạn mong muốn ở một trường đại học và cách nó sẽ giúp bạn có được một công việc tốt trong tương lai. Viết 180-200 từ.)  
**Gợi ý:**  
There are lots of things that I would look for in a university.  
First, I think a university should put on a lot of social events. These could be trips, music events, or sports clubs. I think it's important to make friends and have a good time at university. l think I'll be pretty stressed and have a lot of things to deal with. Having good friends makes that much easier.  
Second, think they should have someone to give career advice and maybe put on career fairs. think talking to someone, and having them help me figure out what I want to do in the future would be really helpful. Career fairs can really help people out and show them a lot of different jobs at once.  
Finally, I think they should have spaces for people to work together. I don't like studying alone. I like to talk about the information and ask people to help me out sometimes. Places like libraries, meeting rooms, or computer rooms would really help me get better grades.  
I think all these things would be important for me and would help me get a better job in the future.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Có rất nhiều điều tôi muốn tìm kiếm ở một trường đại học.  
Đầu tiên, tôi nghĩ một trường đại học nên tổ chức nhiều sự kiện xã hội. Có thể là các chuyến đi, sự kiện âm nhạc hoặc câu lạc bộ thể thao. Tôi nghĩ rằng việc kết bạn và có khoảng thời gian vui vẻ ở trường đại học là rất quan trọng. Tôi nghĩ rằng tôi sẽ khá căng thẳng và phải giải quyết rất nhiều thứ. Có những người bạn tốt sẽ giúp tôi dễ dàng hơn nhiều.  
Thứ hai, tôi nghĩ rằng họ nên có người tư vấn nghề nghiệp và có thể tổ chức hội chợ nghề nghiệp. Tôi nghĩ rằng việc nói chuyện với ai đó và nhờ họ giúp tôi tìm ra điều mình muốn làm trong tương lai sẽ thực sự hữu ích. Hội chợ nghề nghiệp thực sự có thể giúp mọi người và cho họ thấy nhiều công việc khác nhau cùng một lúc.  
Cuối cùng, tôi nghĩ rằng họ nên có không gian để mọi người làm việc cùng nhau. Tôi không thích học một mình. Tôi thích nói về thông tin và đôi khi nhờ mọi người giúp đỡ. Những nơi như thư viện, phòng họp hoặc phòng máy tính thực sự sẽ giúp tôi đạt điểm cao hơn.  
Tôi nghĩ rằng tất cả những điều này sẽ quan trọng đối với tôi và sẽ giúp tôi có được một công việc tốt hơn trong tương lai.  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 12 sách ILearn Smart World hay khác:**  
Unit 4 Lesson 2 (trang 22, 23)  
Unit 4 Lesson 3 (trang 24, 25)  
Unit 4 Review (trang 65)